

Số: 272/BC-UBND

Sơn Thành, ngày 02 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình công tác quản lý nhà nước về nghĩa trang trên địa bàn xã Sơn Thành

Thực hiện Công văn số 5348/UBND-KTHT ngày 29/11/2024 của UBND huyện Sơn Hà về việc báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý nghĩa trang trên địa bàn huyện. Nay UBND xã Sơn Thành báo cáo tình hình quản lý đất nghĩa trang, cụ thể như sau:

1. Tình hình quản lý nghĩa trang, nghĩa địa và kà rần trên địa bàn xã.

Trên địa bàn xã có 01 nghĩa trang liệt sĩ xã tại thôn Gò Gạo đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 nghĩa trang nhân dân được quy hoạch chung cho toàn xã tại xóm Hoãn Vạy, thôn Gò Chu và 43 điểm nghĩa địa, kà rần lớn, nhỏ ở 06/06 thôn. Với tổng diện tích là: 149.304m² (14.9 ha)

(Có phụ lục kèm theo)

2. Khó khăn, vướng mắc.

Trên địa bàn xã chủ yếu là người dân tộc thiểu số, người dân chưa thay đổi tập quán về tâm linh nên rất khó trong việc tuyên truyền, vận động người dân mai táng tập trung theo quy hoạch nghĩa trang nhân dân xã.

Một số nghĩa địa, kà rần gần khu dân cư, không càng phù hợp với quy hoạch nhưng việc mai táng của nhân dân theo quan niệm ông, bà, cha, mẹ...(chết) chôn ở đâu thì họ chôn theo đó.

Đa số nghĩa địa, kà rần hình thành từ rất lâu đời, công tác quản lý ở xã, thôn chưa đảm bảo, thiếu chặt chẽ, dẫn đến một số hộ dân canh tác lân cận lấn, chiếm sử dụng trồng cây cối hoa màu..., một số vị trí đất nghĩa địa, kà rần đã được cấp Giấy CNQSD đất nên khó khăn trong công tác quản lý đất đai.

3. Kiến nghị, đề xuất:

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền quan tâm hỗ trợ nguồn kinh phí để thực hiện việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, cắm mốc ngoài thực địa nhằm quản lý, sử dụng đất nghĩa địa, kà rần. Đặc biệt là đầu tư chỉnh trang, nâng cấp nghĩa trang nhân dân xã đã được quy hoạch giai đoạn 2021 – 2025 đảm bảo cho người dân mai táng theo đúng quy định.

UBND xã Sơn Thành kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu VT, ĐC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



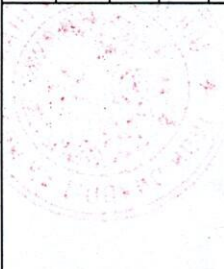
Đinh Công Ôn

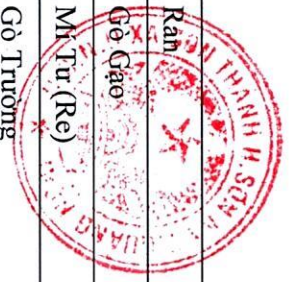
PHỤ LỤC

(Kèm theo báo cáo số 2/BC-UBND ngày 02/12/2024 của UBND xã Sơn Thành)



STT	Tên nghĩa trang	Địa điểm	Diện tích (m ²)			Khoảng cách an toàn về môi trường (m)	Các giải pháp quản lý	Ghi Chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Đầu tư xây dựng, mở rộng giai đoạn 2021-2025			
I	Đất nghĩa trang							
1	Nghĩa trang liệt sĩ xã	Thôn Gò Gạo	2,718	2,718	Chưa thực hiện	50	Chỉnh trang, nâng cấp	Đã xây dựng tường rào, cổng ngõ và đã có GCNQSD đất
2	Nghĩa trang nhân dân xã	Thôn Gò Chu	10,150	10,150		500	Chỉnh trang, nâng cấp và mở rộng	Đã cắm mốc
Tổng			12,868	12,868				
II	Đất Nghĩa địa, Cà Ràn							
1	Kà Ràn Gò	Thôn Gò Ra	1,765	1,765		50		Đã cắm mốc
2	Kà Ràn Úa	Thôn Gò Ra	2,301	2,301		200		Chưa cắm mốc
3	Kà Ràn Bớt Con Thang	Thôn Gò Ra	1,487	1,487		50		//
4	Kà Ràn Vọt Mai	Thôn Gò Ra	1,890	1,890		70		//
5	Kà Ràn Ru Xon	Thôn Gò Ra	2,341	2,341		400		//
6	Kà Ràn Ngon (Gò Rĩa)	Thôn Gò Ra	1,432	1,432		1,000		//
7	Kà Ràn Vọt Éo	Thôn Gò Ra	1,203	1,203	Chưa thực hiện	200		//
8	Kà Ràn Vọt Dã	Thôn Gò Ra	1,321	1,321		70		//
9	Kà Ràn Gò Xon	Thôn Gò Ra	1,103	1,103		100		//
10	Kà Ràn Vang Lùn (Gò Lăng)	Thôn Gò Ra	1,732	1,732		90		//
11	Kà Ràn Gò Cua	Thôn Gò Ra	1,432	1,432		200		//
12	Kà Ràn Hồ	Thôn Gò Ra	2,012	2,012		50		Đã cắm mốc

13	Kà Rân Hào	Thôn Gò Ra	1,823	1,823	1,823	40	 <p>Đo đạc, lập bản đồ địa chính và cắm mốc Nghĩa địa, Kà Rân theo hiện trạng để quản lý, sử dụng. Không mở rộng</p>	Chưa cắm mốc
14	Kà Rân Gò Đúa	Thôn Gò Ra	1,423	1,423	1,423	50		//
15	Làng Vệt II	Thôn Làng Vệt	1,095	1,095	1,095	70		//
16	Gò Pa Ấy	Thôn Làng Vệt	1,474	1,474	1,474	50		//
17	Gò Róc	Thôn Làng Vệt	1,202	1,202	1,202	50		//
18	Hóc Ka Rời	Thôn Làng Vệt	1,842	1,842	1,842	100		//
19	Làng Vệt I	Thôn Làng Vệt	1,236	1,236	1,236	50		//
20	Hóc Ra Xiêng	Thôn Làng Vệt	1,970	1,970	1,970	150		//
21	Gò Ra Pon	Thôn Làng Vệt	1,532	1,532	1,532	100		//
22	Thôn Kà Nhót	Thôn Gò Rinh	1,963	1,963	1,963	60		Đã cắm mốc
23	Xóm Gò Con	Thôn Gò Rinh	1,872	1,872	1,872	50		Chưa cắm mốc
24	Kà Rân Vệt Dũ	Thôn Gò Rinh	2,032	2,032	2,032	200		Đã cắm mốc
25	Xóm Gò deo	Thôn Gò Rinh	2,321	2,321	2,321	50		Chưa cắm mốc
26	Gò Dòn	Thôn Hà Thành	3,402	3,402	3,402	50		//
27	Gò Con	Thôn Hà Thành	2,472	2,472	2,472	150		//
28	Gò Mò Rời	Thôn Hà Thành	22,101	22,101	22,101	70		Đã cắm mốc
29	Đèo Bế Lá	Thôn Hà Thành	4,368	4,368	4,368	1,000		Đã cắm mốc
30	Nghĩa địa Hà Thành	Thôn Hà Thành	32,000	32,000	32,000	50		Chưa cắm mốc
31	Đồng Rãi	Thôn Gò Chu	11,597	11,597	11,597	60		Chưa cắm mốc
32	Vàng Năng	Thôn Gò Chu	1,232	1,232	1,232	200		//
33	Gò Dỗ	Thôn Gò Chu	1,023	1,023	1,023	40		//
34	Gò Phú	Thôn Gò Chu	1,329	1,329	1,329	100		//
35	Kà Rân Ông Cảnh	Thôn Gò Chu	2,467	2,467	2,467	40		//
36	Kà Rân Ông Quế	Thôn Gò Chu	1,538	1,538	1,538	40		//
37	Kà Rân Gò Bin	Thôn Gò Gạo	1,673	1,673	1,673	300		//



38	Kà Ràn Ràn	Thôn Gò Gạo	1,523	1,523	Chưa thực hiện	500	Do đặc, lập bản đồ địa chính và cắm mốc Nghĩa địa, Kà Ràn theo hiện trạng để quản lý, sử dụng. Không mở rộng	//
39	Kà Ràn Gò Gạo	Thôn Gò Gạo	1,320	1,320		100		//
40	Kà Ràn M. Tư (Re)	Thôn Gò Gạo	1,450	1,450		50		//
41	Kà Ràn Gò Trường	Thôn Gò Gạo	1,725	1,725		80		//
42	Kà Ràn Ka Lâm	Thôn Gò Gạo	1,589	1,589	100	//		
43	Kà Ràn Gò PaKa	Thôn Gò Gạo	1,823	1,823	100	//		
Tổng:			136,436	136,436				
Tổng cộng: I + II			149,304	149,304				